

# TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ VIỆT NAM - THÁCH THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ

TS. Phạm Hồng Mạnh  
Trường ĐH Nha Trang

**Tóm tắt:** Bài viết này nhằm điểm lại bối cảnh kinh tế và những thách thức của kinh tế Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm ứng phó với những thách thức của kinh tế Việt Nam trong quá trình tái cấu trúc (TCT) nền kinh tế. Kết quả phân tích cho thấy bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay đang gặp phải những thách thức lớn như: tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức thấp và có dấu hiệu chững lại; hiệu quả đầu tư và năng suất lao động của nền kinh tế ở mức thấp; cán cân thương mại được cải thiện, nhưng chưa bền vững; thâm hụt ngân sách và nợ công của nền kinh tế vẫn là vấn đề đáng lo ngại; hệ thống ngân hàng phát triển nhanh, nhưng tiềm ẩn nhiều vấn đề và hệ lụy cho nền kinh tế và thể chế kinh tế chậm được đổi mới, chưa theo kịp với yêu cầu hội nhập.

**Từ khóa:** Kinh tế Việt Nam, ổn định kinh tế vĩ mô, tái cấu trúc.

## Mở đầu

Trải qua hơn 25 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội. Giai đoạn 2000-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình ở mức 7,26%/năm, đồng thời cơ cấu kinh tế của các ngành sản xuất đã chuyển dịch theo hướng tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Mặc dù lạm phát đã được khống chế nhưng các cân đối kinh tế vĩ mô vẫn chưa thật vững chắc. Tăng trưởng của nền kinh tế trong những năm qua chủ yếu vẫn dựa vào thâm dụng vốn, lao động và tài nguyên (Phạm Sỹ An và Hà Huy Ngọc, 2013).

Trong năm 2011-2012 nền kinh tế trì trệ do khủng hoảng kinh tế và nợ công tại một số quốc gia Châu Âu đã tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam (Vũ Minh Long, 2012; trang 44, 48). Cùng với đó, những vấn đề mang tính bản chất của kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những điểm yếu đang là yêu cầu cấp bách cần được giải quyết trong đó trọng tâm là giải quyết các vấn đề lớn của nền kinh tế:

TCT khu vực doanh nghiệp nhà nước, TCT hệ thống tài chính mà trọng tâm là hệ thống ngân hàng và TCT đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Xuất phát từ những đặc điểm trên bài viết này nhằm đánh giá bối cảnh kinh tế Việt Nam trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề xuất những khuyến nghị nhằm ứng phó với những thách thức của nền kinh tế trong giai đoạn thực hiện TCT nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô trong những năm tiếp theo.

## Bản chất của quá trình tái cấu trúc nền kinh tế

TCT nền kinh tế là tổ chức lại nền kinh tế thông qua các biện pháp điều chỉnh một cách toàn diện các quan hệ, các bộ phận cấu thành nền kinh tế hiện tại để tạo ra một nền kinh tế mới ưu việt hơn, hợp lý hơn, vận hành hiệu quả hơn và đáp ứng yêu cầu phát triển (Nguyễn Văn Tạo, 2011; trang14).

Nguyên nhân sâu xa để TCT nền kinh tế là nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực, tăng thêm việc làm, kiến tạo nền tảng lâu dài và thuận lợi hơn

cho công cuộc phát triển. Tâm điểm của TCT là năng suất, được đo bằng giá trị gia tăng tạo ra trên mỗi đơn vị nguồn lực (bao gồm lao động, vốn và đất đai) ở mọi ngành nghề và cấp độ, từ cá nhân đến doanh nghiệp, từ địa phương đến toàn bộ nền kinh tế (Vũ Minh Khương, 2012).

Dù được hiểu theo cách nào, thì bản chất của quá trình TCT nền kinh tế chính là quá trình phân bổ lại nguồn lực, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và nguồn lao động chất lượng thấp sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Để đạt được hiệu quả phân bổ nguồn lực cần phải cơ cấu hiệu quả trong một số khu vực đột phá quan trọng bao gồm: khu vực đầu tư công, khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực tài chính - tiền tệ cũng như sự thay đổi trong tư duy và cải cách thể chế. Bên cạnh đó, để phòng tránh các rủi ro và ứng phó khi xảy ra các cú sốc kinh tế, các chính sách thông thường phải hướng tới: (i) Đảm bảo kiểm soát mức lạm phát; (ii) Thâm hụt ngân sách, nợ công thấp; (iii) Thâm hụt cán cân vãng lai thấp (UBKTQH, 2012).

Ngoài ra, những yêu cầu cụ thể để TCT nền kinh tế thành công, cần đặc biệt coi trọng các điều kiện sau: (i) Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định; (ii) Tuân thủ nghiêm ngặt và không ngừng hoàn thiện cơ chế thị trường; (iii) Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước ưu tú với luật chơi rõ ràng, mạch lạc và nhất quán; (iv) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, không biệt đãi doanh nghiệp nhà nước; (v) Có chính sách thuế và cơ chế tín dụng tốt khuyến khích cải cách cơ cấu tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực; (vi) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt ở các địa bàn có ý nghĩa chiến lược và chủ đạo trong vai trò động

lực cho công cuộc cải cách cơ cấu... (Vũ Minh Khương, 2012).

### Những thách thức của kinh tế Việt Nam hiện nay

#### *Tăng trưởng kinh tế tiếp tục có dấu hiệu suy giảm, lạm phát có xu hướng giảm*

Trong thời gian qua, với những nỗ lực của Chính phủ, bối cảnh khu vực kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã được cải thiện nhưng thiếu vững chắc. Điều này có thể thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có xu hướng đi xuống và đạt mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây, đạt mức tăng trưởng 5,03% trong năm 2012. Kể từ khi thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 02/5/2012 của Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. Điều này đã làm cho chỉ số lạm phát của Việt Nam giảm nhanh, xuống còn 6,81% trong năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I/2013 chỉ tăng 6,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2012 (TCTK, 2013).

Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là do việc cắt giảm và quá trình tái cơ cấu đầu tư công của Chính phủ trong thời gian vừa qua cũng như các hoạt động đầu tư tư nhân trì trệ. Tổng mức đầu tư toàn xã hội đã giảm mạnh, từ 41,9% GDP năm 2010 xuống còn 34,6% năm 2011 và ước tính vào khoảng 35% trong 9 tháng đầu năm 2012. Hiện tượng suy giảm này phổ biến đối với cả đầu tư từ ngân sách, của doanh nghiệp nhà nước và khu vực tư nhân (Ngân hàng Thế giới, 2012).

Tăng trưởng nhanh trong những năm trước đây cũng đã bộc lộ ra những vấn đề mang tính cơ cấu. Chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng vẫn là nguyên nhân gây quan ngại nặng nề do tăng trưởng kinh tế sử dụng quá nhiều tài nguyên, sử dụng lao động giá rẻ với kỹ năng thấp, các mặt hàng xuất khẩu thiếu đa dạng và ít có giá trị gia tăng, tỷ trọng đóng góp của năng suất vào tăng trưởng ngày càng giảm. Năng lực cạnh tranh của nền

kinh tế Việt Nam đang bị đe dọa bởi sản xuất điện không theo kịp nhu cầu, chi phí hậu cần và giá cả bất động sản leo thang, tình trạng thiếu lao động có kỹ năng ngày càng phổ biến (UBKTQH, 2012).

### **Hiệu quả đầu tư và năng suất lao động của nền kinh tế ở mức thấp**

Hiệu quả đầu tư của nền kinh tế là rất thấp, điều này có thể được nhìn nhận thông qua chỉ số ICOR. Chỉ số ICOR của Việt Nam cũng luôn ở mức khá cao so với nhiều quốc gia trong khu vực, đặc biệt chỉ số này tăng cao nhất trong năm 2009.

Một điều đáng lưu ý trong giai đoạn từ năm 2005 trở lại đây là hệ số ICOR khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có những năm cao đột biến, đặc biệt trong năm 2008. Nguyên nhân cơ bản được cho là việc chuyển giá giữa công ty mẹ và công ty con đã diễn ra phổ biến trong thời gian qua và tất yếu đã đẩy chi phí sản xuất tăng cao trong khu vực doanh nghiệp này (Nguyễn Việt Hùng và Hồ Đắc Nghĩa, 2013; trang 69). Tình hình tăng trưởng và chỉ số ICOR của Việt Nam giai đoạn 2000-2011 được thể hiện trong Hình 1.

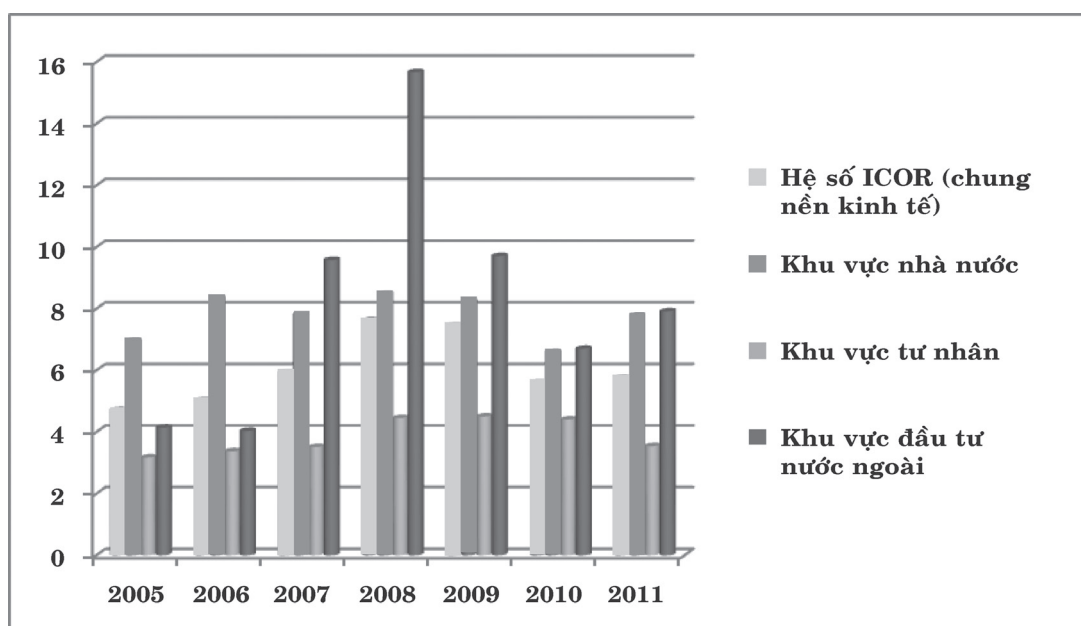
Kể từ năm 2000 đến nay, năng suất lao động của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, góp phần cải thiện đời sống của người dân. Trong các ngành sản xuất chủ yếu thì năng suất lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt mức cao nhất, tiếp đến là năng suất lao động trong khu vực dịch vụ đạt mức tương đối cao và khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản năng suất lao động đạt mức thấp nhất (Hình 2).

Đi cùng với năng suất lao động thấp, tốc độ tăng năng suất lao động của nền kinh tế và các khu vực kinh tế cũng giảm nhanh kể từ năm 2008 trở lại đây, đặc biệt là khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (TTNSVN, 2011; trang 20). Điều này càng cho thấy những khó khăn của nền kinh tế khi tăng trưởng dựa chủ yếu vào nguồn vốn và lao động tay nghề thấp. Mức đóng góp của vốn, lao động và năng suất các yếu tố tổng hợp (Total Factor Productivity - TFP) cho GDP của kinh tế Việt Nam so với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới (APO, 2012).

### **Cán cân thương mại được cải thiện, nhưng không phải là đáng mừng**

Về tình hình xuất nhập khẩu có thể thấy, kinh tế Việt Nam kể từ 2005 đến nay lần

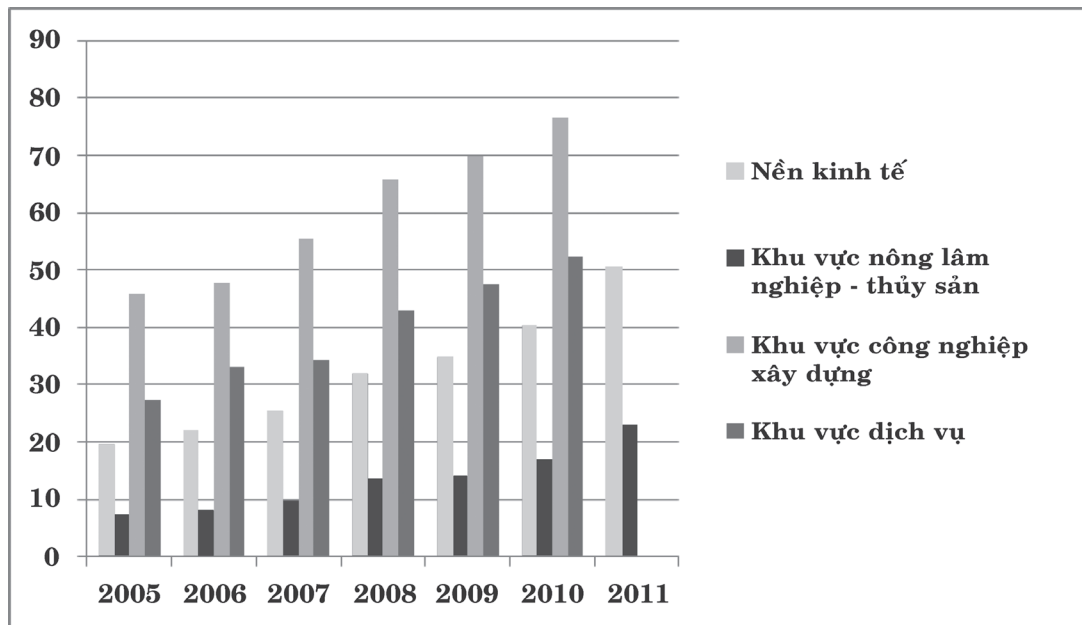
**Hình 1: Chỉ số ICOR của Việt Nam giai đoạn 2005-2011**



Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu của Nguyễn Việt Hùng và Hồ Đắc Nghĩa (2013, trang 69)

Hình 2: Năng suất lao động của các khu vực kinh tế giai đoạn 2005-2011

Đơn vị tính: triệu đồng/người

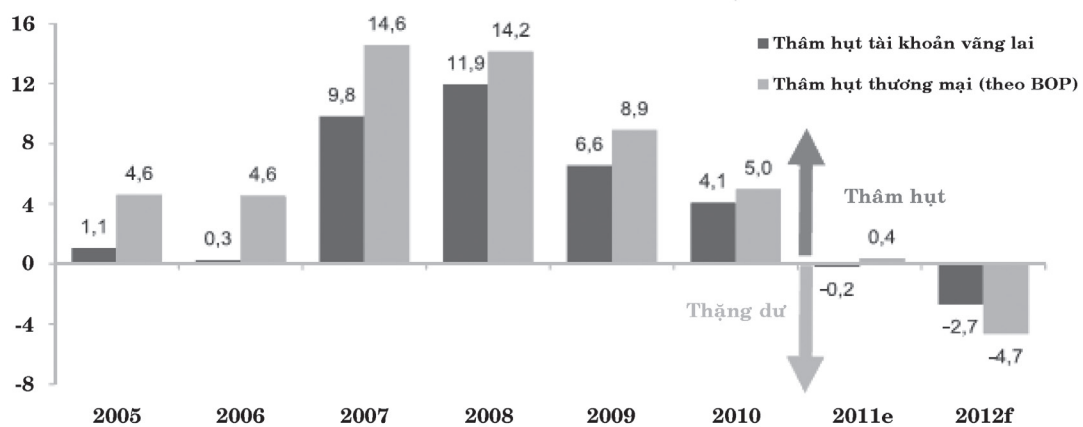


Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Trung tâm Năng suất Việt Nam (2011)

đầu tiên đạt được thặng dư thương mại (năm 2012), điều này đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô. Kết quả hoạt động tích cực trong lĩnh vực xuất khẩu, giảm tăng trưởng nhập khẩu và duy trì dòng kiều hối mạnh đã giúp cho Việt Nam cải thiện được cán cân thanh toán quốc tế, tăng cường nguồn dự trữ ngoại hối và giảm bớt áp lực đối với tỷ giá hối đoái. Tuy vậy, kết quả tích cực này có thể không được duy trì vì khi nền kinh tế phục hồi, nhập khẩu siêu sẽ xuất hiện trở lại do cơ cấu xuất nhập khẩu còn nhiều bất cập (Hình 3).

Nếu xem xét cụ thể cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam thì phần lớn đều thuộc các nhóm hàng công nghệ cao như: điện tử - máy tính, điện thoại di động và phụ kiện. Trong khi đó mặt hàng gạo được coi là thế mạnh của Việt Nam đã giảm giá trị xuất khẩu 3,9% so với năm 2011. Bên cạnh đó, việc tăng giá trị xuất khẩu là do các doanh nghiệp thuộc khu vực có FDI (bao gồm cả dầu thô) đã tăng 32%, trong khi đó khu vực kinh tế trong nước chỉ tăng ở mức khiêm tốn với 0,8% so với năm 2011 (Ngân hàng Thế giới, 2012). Điều này cho thấy mặc dù cán cân thương mại đã được

Hình 3: Cán cân vãng lai của Việt Nam giai đoạn 2005-2012



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2012, trang 20)

cải thiện, nhưng bức tranh xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn không mấy sáng sủa nếu xem xét từ nội lực và khả năng cạnh tranh của khu vực kinh tế trong nước. Tình trạng này nếu không sớm được cải thiện thì sẽ khó có thể duy trì được thặng dư cán cân thương mại trong những năm tiếp theo.

### ***Thâm hụt ngân sách và nợ công của nền kinh tế vẫn là vấn đề đáng lo ngại***

Có thể thấy rằng giai đoạn từ năm 2005 đến nay, mức thâm hụt ngân sách bình quân của Việt Nam so với GDP luôn ở mức cao. Bên cạnh đó, trong giai đoạn này Việt Nam đã vận động được các nguồn vốn lớn cho đầu tư phát triển, làm cho tỷ trọng nợ nước ngoài của Việt Nam tăng liên tục và ở mức cao. Điều này luôn gây ra áp lực lớn về tỷ giá và gánh nặng về mức cung tiền cho nền kinh tế và vì vậy, chúng vẫn là nguyên nhân tiềm ẩn có thể dẫn đến những áp lực lớn đối với chỉ số lạm phát của nền kinh tế. Diễn biến tình hình thâm hụt ngân sách và nợ công của Việt Nam giai đoạn 2005-2012 được thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1: Thu chi và mức thâm hụt ngân sách của Việt Nam giai đoạn 2005-2012**

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011e	2012p
Thu ngân sách (% GDP)	27,20	28,69	27,62	28,07	26,67	28,18	27,7	26,1
Chi ngân sách (% GDP)	31,30	31,62	34,92	33,31	35,26	33,39	30,9	31,3
% thâm hụt so với GDP	-4,10	-2,93	-7,30	-5,24	-8,58	-5,21	-3,2	-5,2
Nợ công	44,0	42,90	45,60	43,9	49,8	57,0	58,5	53,7
Nợ nước ngoài	32,2	31,4	32,5	29,8	38,7	45,4	50,1	54,7

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2012, trang 29); Vũ Thành Tự Anh (2012) và Tổng cục Thống kê (2013)

### ***Hệ thống ngân hàng thương mại phát triển nhanh, nhưng tiềm ẩn nhiều vấn đề và hệ lụy cho nền kinh tế***

Việc nới lỏng chính sách đã làm gia tăng cạnh tranh trong ngành của các ngân hàng thương mại và làm tăng giá trị sản phẩm dịch vụ cho khách hàng đã không khuyến khích được các ngân hàng phát triển một cách thận trọng và bền vững. Các ngân hàng đã huy động một khối lượng vốn khổng lồ và tăng trưởng ồ ạt hoạt động tín dụng trong khi nhiều ngân

hàng mới thành lập chưa có đủ chuyên môn, công nghệ và nhân sự tốt để quản lý hiệu quả nguồn vốn và quản lý tốt rủi ro (Hoàn Trần và Thuận Nguyễn, 2011).

Sự phát triển nhanh chóng của các ngân hàng thương mại đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tín dụng và thúc đẩy sản xuất. Tuy nhiên sự gia tăng nhanh về quy mô và số lượng ngân hàng hiện nay đi cùng với tình trạng nợ xấu. Nợ xấu hiện nay của các tổ chức tín dụng được tích lũy từ trước đây do môi trường kinh doanh xấu đi kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2007-2008, khách hàng vay gặp nhiều khó khăn về tài chính và hoạt động (Ngân hàng Thế giới, 2012).

### ***Thể chế kinh tế chậm được đổi mới, chưa theo kịp với yêu cầu hội nhập***

Nhiều năm qua, môi trường thể chế của Việt Nam vẫn bị đánh giá là kém và là một trong những rào cản lớn đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế. Một trong những thước đo của chất lượng thể chế là hiệu quả nhà nước. Đó là

phép cộng tổng thể của các vấn đề chất lượng dịch vụ công, tính độc lập của hành chính công, chất lượng xây dựng và thực hiện chính sách, đặc biệt là độ tin cậy của các cam kết đưa ra từ Chính phủ. Tuy nhiên, so sánh với 12 nền kinh tế ở Đông Á, chỉ số hiệu quả nhà nước của Việt Nam chỉ được xếp thứ 10, đạt dưới 50% số điểm, sau cả Indonesia và Philippines, chỉ đứng trên Campuchia và Lào. Trong năm 2012, xếp hạng của Việt Nam trong đánh giá năng lực cạnh tranh giữa các quốc gia trên thế giới cũng giảm sút nghiêm trọng. Việt

Nam tụt mười sáu bậc trong vòng hai năm qua, xuống vị trí 75 trong số 144 quốc gia được đánh giá trong Khảo sát Chỉ số Cạnh tranh Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới. Xếp hạng chung của Việt Nam trong khảo sát Môi trường Kinh doanh cũng giảm trong năm 2013 so với 2012. Năm 2013, Việt Nam xếp thứ 99 trong số 185 quốc gia, giảm từ vị trí 90 trong năm 2011 và 98 trong năm 2012, và thấp hơn so với mức trung bình của khu vực Đông Á Thái Bình Dương là vị trí 89. Như vậy, trong ba năm trở lại đây, Việt Nam liên tục đi xuống về điểm số và thứ hạng năng lực cạnh tranh (World Economics Forum, 2012).

Hiệu quả của Chính phủ và chất lượng của các văn bản pháp quy đều thấp nhất so với một số nước trong khu vực. Một trong những nguyên nhân của sự yếu kém này là từ tư duy và năng lực xây dựng thể chế. Vấn đề này có thể được xem xét trên các khía cạnh: (i) Số lượng văn bản phát luật tăng nhanh nhưng chất lượng các văn bản này lại chưa được đảm bảo. Vấn đề đánh giá tác động của các văn bản này trước khi được ban hành chưa xem xét đúng mức, đặc biệt là khâu tham vấn ý kiến của người dân và doanh nghiệp vẫn mang tính hình thức đã làm cho nền kinh tế phải gánh chịu nhiều quy định phi thị trường tổn kém (UBKTQH, 2012; trang 280); (ii) Quá trình xây dựng văn bản pháp luật để tạo môi trường kinh tế thông thoáng lại chịu chi phối từ lợi ích của những người xây dựng. Các quy định, chính sách được soạn thảo ra từ nhóm những chuyên viên, công chức chưa có những trải nghiệm thực tiễn trên thị trường và không tránh khỏi khả năng đặc quyền, đặc lợi trong chính những quy định thủ tục đó. Các quy định này sẽ kìm hãm tính cạnh tranh, làm giảm sút động lực đầu tư và đổi mới của các doanh nghiệp; (iii) Do sự hội nhập nhanh với kinh tế thế giới nên các loại văn bản này được xây dựng còn mang tính hình thức, đối phó hơn là hiệu quả thực thi trên thực tế, đồng thời sử dụng các biện pháp hành chính là chủ yếu mà ít dựa vào những qui luật khách quan của cơ chế thị trường. Điều này làm cho các cơ chế

khuyến khích bị bóp méo gây ra những tổn thất về hiệu quả xã hội; (iv) Chưa có những cơ chế cần thiết để đảm bảo cho thông tin thị trường minh bạch. Việc một số doanh nghiệp nhà nước liên tục điều chỉnh giá các mặt hàng quan trọng trong nền kinh tế như điện, xăng dầu... mà không có những thông tin rõ ràng về chi phí sản xuất đã và đang gây áp lực rất lớn đến các doanh nghiệp sử dụng các yếu tố đầu vào này cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (Phạm Hồng Mạnh, 2013).

Với bối cảnh đặc điểm kinh tế vĩ mô của Việt Nam như vậy, trong năm 2013 bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức, tiềm ẩn nhiều vấn đề đặc biệt trong giai đoạn Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực thực hiện TCT nền kinh tế với ba khâu đột phá.

### Một số khuyến nghị để tiếp tục thực hiện quá trình tái cấu trúc nền kinh tế

**Thứ nhất,** thực hiện chính sách tài khóa - tiền tệ linh hoạt để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô. Chính phủ và các cơ quan chức năng cần sử dụng các chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa và chính sách tỷ giá một cách hợp lý để mở rộng đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và việc làm. Bên cạnh đó, thúc đẩy nhanh hơn quá trình TCT hệ thống tài chính quốc gia, mà mấu chốt là hệ thống các ngân hàng thương mại, không để quá trình này tác động xấu tới nền kinh tế, đồng thời đảm bảo hệ thống này tham gia vào quá trình phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển cho nền kinh tế. Sự lành mạnh của hệ thống này sẽ cơ sở quan trọng để phân bổ vốn một cách có hiệu quả cho nền kinh tế.

**Thứ hai,** nâng cao hiệu quả đầu tư đặc biệt đầu tư tại khu vực công. Việc đầu tư công kém hiệu quả luôn là một vấn đề cần phải được xem xét kỹ càng, mặc dù có hàng chục văn bản về vấn đề này đã được phê duyệt ban hành nhưng thực tế kết quả lại mờ nhạt. Vì vậy, Chính phủ cần tạo một sức ép để đồng vốn nhà nước thực sự được sử dụng có

hiệu quả. Ngoài ra, cần triệt để tiết kiệm các khoản đầu tư công và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Đây là một giải pháp tuy mang tính tình thế, nhưng sẽ rất quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam khi xảy ra bội chi ngân sách và xuất hiện lạm phát. Triệt để tiết kiệm các khoản đầu tư công có nghĩa là chỉ đầu tư vào những dự án mang tính chủ đạo, hiệu quả nhằm tạo ra những đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt những dự án chưa hoặc không hiệu quả thì phải cắt giảm, thậm chí không đầu tư. Bên cạnh đó cần thiết phải siết chặt kỷ luật đầu tư, lập một quy chế chặt chẽ về trách nhiệm của những đối tượng sử dụng vốn đầu tư công làm cơ sở cho việc giám sát, quản lý. Đồng thời hoạt động đầu tư công phải được công bố công khai, minh bạch để các cơ quan chức năng, những đối tượng thụ hưởng có thể giám sát hiệu quả của nguồn vốn này.

**Thứ ba**, cần tập trung vào những mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh với giá trị gia tăng cao của nền kinh tế. Mặc dù trong năm 2012 hoạt động xuất siêu chính là điểm sáng trong bức tranh kinh tế của Việt Nam đã đóng góp tốt cho tăng trưởng GDP và góp phần ổn định tỷ giá. Tuy nhiên, cán cân xuất khẩu nghiêng về khu vực doanh nghiệp FDI. Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam chủ yếu vẫn là những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, như: dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử và máy tính các loại... Vì vậy, trong thời gian tới nếu không có những giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt những mặt hàng có giá trị gia tăng cao thì vấn đề xuất siêu của Việt Nam khó có thể được duy trì.

**Thứ tư**, cần có kế hoạch quản lý và sử dụng nợ công một cách hiệu quả, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Nợ công ở Việt Nam đang tăng nhanh trong khi thâm hụt ngân sách đã duy trì liên tục trong nhiều năm qua. Trong quá trình phát triển, các quốc gia đều có các nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài là vấn đề hết sức bình thường. Tuy nhiên, trong giai đoạn nền kinh tế Việt

Nam đầu tư không ngừng mở rộng thì việc sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ cũng như khả năng sinh lời của các dự án để có nguồn tài trợ trong tương lai cũng là vấn đề hết sức được coi trọng. Để vấn đề nợ công không là nguyên nhân bất ổn kinh tế vĩ mô, nên tập trung vào các vấn đề: (i) Đảm bảo quy mô và tốc độ tăng trưởng của nợ công phải bền vững, có khả năng thanh toán trong nhiều tình huống khác nhau mà vẫn đáp ứng được các mục tiêu về rủi ro và chi phí; (ii) Các khoản vay nợ cần được đầu tư trọng điểm cho các lĩnh vực có tác động lan tỏa tới nhiều ngành kinh tế khác, như: hạ tầng giao thông, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách hành chính, bảo vệ môi trường và những vấn đề liên quan đến phát triển xã hội; (iii) Nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản vay là một vấn đề rất quan trọng vì từ đó mới bảo đảm được dòng tiền trả nợ trong tương lai; (iv) Vai trò của các cơ quan chức năng, như Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ trong việc giám sát hoạt động quản lý và sử dụng các khoản nợ công để đảm bảo tính minh bạch trong quản lý và sử dụng các khoản nợ công cũng như tính bền vững của ngân sách nhà nước, đồng thời cải thiện tính minh bạch, công khai thông tin về nợ công và công tác quản lý nợ công.

**Cuối cùng**, cần thúc đẩy nhanh hơn quá trình cải cách thể chế phục vụ tốt hơn cho quá trình phát triển kinh tế. Việc cải cách thể chế theo hướng tinh gọn, hiện đại, đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu quản lý cần tập trung giải quyết những vấn đề có tính cơ bản và hệ thống: (i) Đổi mới tư duy trong việc xây dựng thể chế, lấy tăng trưởng và hiệu quả kinh tế làm thước đo của quá trình xây dựng thể chế kinh tế; (ii) Xây dựng các quy chế, đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong thể chế để đảm bảo tính ổn định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Muốn thực hiện điều này cần tập trung xây dựng bộ máy theo nguyên tắc công khai, minh bạch trong tất cả các khâu, các hoạt động có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Điều này sẽ góp phần rất quan trọng để giảm thiểu và ngăn ngừa tham nhũng từ phía những người

thực thi pháp luật, giảm chi phí không chính thức cho các doanh nghiệp hiện nay; (iii) Cần đẩy nhanh hơn cải cách thủ tục hành chính ở tất cả các khâu, các lĩnh vực và đặc biệt là cắt giảm những thủ tục rườm rà không cần thiết. Điều này sẽ giảm bớt những phiền hà, chi phí và thời gian cho các doanh nghiệp; (iv) Xây dựng đội ngũ trong các cơ quan công quyền để đáp ứng tốt yêu cầu trong quá trình xây dựng và ban hành các chính sách kinh tế. Việc xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và kỹ năng đáp ứng các yêu cầu cụ thể trong quá trình thực thi công vụ đã trở

nhên hết sức cấp bách. Muốn vậy, trong các cơ quan công quyền, mỗi công chức cần xác định trách nhiệm của mình trong quá trình thực thi nhiệm vụ để phục vụ xã hội và nền kinh tế, cung cấp cho xã hội những loại dịch vụ công có chất lượng với chi phí thấp nhất (Phạm Hồng Mạnh, 2013).

Dù giải pháp nào chăng nữa thì quá trình TCT nền kinh tế hiện nay vẫn phải nhắm tới mục tiêu tổng thể đó là quá trình phân bổ lại các nguồn lực một cách hiệu quả để nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong dài hạn. ■

### Tài liệu tham khảo

1. APO (2012). *APO Productivity Databook 2012*, Tokyo, Japan.
2. Hoàn Trần và Thuần Nguyễn (2011). *Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam theo hướng nào*. Working Paper, Stox Plus.
3. Ngân hàng Thế giới (2012). *Điểm lại cập nhật phát triển kinh tế Việt Nam* (Báo cáo của các nhà tư vấn: Hội nghị các nhà kinh tế Việt Nam), Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Tạo (2011). *Tái cấu trúc nền kinh tế phải bắt đầu từ tái cấu trúc đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 1, trang 14.
5. Phạm Hồng Mạnh (2013). *Đổi mới tư duy trong xây dựng và thực thi thể chế góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Kinh tế Việt Nam 2012-2013) trang 83-94.
6. Phạm Sỹ An và Hà Huy Ngọc (2013). *Thách thức và triển vọng của kinh tế Việt Nam năm 2013*. <http://www.tapchiconsang.org.vn/Home/kinh-te-thi-truong-XHCN/2013/19965/Thach-thuc-va-trien-vong-cua-kinh-te-Viet-Nam-nam-2013.aspx>.
7. Tổng cục Thống kê (2013). *Thông cáo báo chí Tình hình kinh tế - xã hội quý I/2013*. <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&idmid=&ItemID=13630>.
8. Trung tâm Năng suất Việt Nam (2011). *Báo cáo năng suất Việt Nam (Vietnam Productivity Report 2010)*, Hà Nội.
9. Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội (2012). *Từ bất ổn vĩ mô đến con đường tái cơ cấu*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
10. Vũ Minh Khuong (2012). *Đôi điều về cải cách cơ cấu (tái cơ cấu) nền kinh tế*. [http://www.viet-studies.info/kinhte/VuMinhKhuong\\_CauCachCoCau.pdf](http://www.viet-studies.info/kinhte/VuMinhKhuong_CauCachCoCau.pdf).
11. Vũ Minh Long (2012). *Khủng hoảng nợ công tại một số nền kinh tế trên thế giới nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, biện pháp khắc phục và những hàm ý chính sách cho Việt Nam*. Trung tâm Nghiên cứu chính sách, Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Vũ Thành Tự Anh (2012). *Tính bền vững của nợ công ở Việt Nam*. [http://ueb.vnu.edu.vn/Uploads/file/dochiem@gmail.com/2012/09/24/11.2.%202012.09.11%20VNU\\_Vu%20Thanh%20Tu%20Anh\\_No%20cong.pdf](http://ueb.vnu.edu.vn/Uploads/file/dochiem@gmail.com/2012/09/24/11.2.%202012.09.11%20VNU_Vu%20Thanh%20Tu%20Anh_No%20cong.pdf).
13. World Economics Forum (2012). *The Global Competitiveness Report 2012-2013 (Full Data Edition)*. [http://www3.weforum.org/docs/WEF\\_GlobalCompetitivenessReport\\_2012-13.pdf](http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2012-13.pdf).